

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3617/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 28 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế về tổ chức hoạt động của
Ban chỉ đạo Công nghệ thông tin tỉnh Phú Thọ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND tỉnh Phú Thọ ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 2880/QĐ-UBND, ngày 20/10/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc thành lập Ban chỉ đạo Công nghệ thông tin tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2006 - 2010;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này: “Quy chế về tổ chức hoạt động của Ban chỉ đạo Công nghệ thông tin tỉnh Phú Thọ”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Ban chỉ đạo Công nghệ thông tin tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị căn cứ Quyết định thực hiện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Doãn Khánh (đã ký)

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ

Về tổ chức hoạt động của Ban chỉ đạo Công nghệ thông tin tỉnh Phú Thọ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3617/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2006
của ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

CHƯƠNG I:

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 1. Chức năng

Tham mưu, tư vấn cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh trong việc lãnh đạo, quản lý các chương trình ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh và đề xuất cơ chế, chính sách, các biện pháp cần thiết trong lĩnh vực công nghệ thông tin nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

Chỉ đạo triển khai thực hiện các đề án, dự án liên quan đến ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin thuộc thẩm quyền của tỉnh giao hoặc do Trung ương ủy quyền.

Điều 2. Nhiệm vụ

2.1. Tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh xây dựng định hướng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh.

2.2. Nghiên cứu đề xuất với UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích việc ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh.

2.3. Chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức, triển khai, thực hiện các chương trình đề án, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học về CNTT đồng thời đưa các kết quả đó vào ứng dụng có hiệu quả.

2.4. Hàng năm xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của Ban chỉ đạo trình Tỉnh ủy, UBND tỉnh và báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh về kết quả thực hiện ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh.

2.5. Tổ chức các hội thảo khoa học, hội nghị chuyên đề về ứng dụng và phát triển CNTT.

Điều 3. Quyền hạn

Ban chỉ đạo CNTT giúp việc cho UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị, các tổ chức đoàn thể thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến ứng dụng và phát triển CNTT.

Ban chỉ đạo được phép trưng dụng có thời hạn công chức, viên chức, cán bộ có trình độ chuyên môn về CNTT thuộc quyền quản lý của các thành viên Ban chỉ đạo tham gia các hoạt động khi cần thiết và đột xuất của Ban.

Điều 4. Tổ chức bộ máy

4.1. Trưởng Ban và Phó trưởng Ban.

- Trưởng Ban: Phó chủ tịch UBND tỉnh.
- Phó Ban Thường trực: Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông.
- Phó Ban chỉ đạo: Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

4.2. Thư ký Ban chỉ đạo: Phó Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông.

4.3. Thành viên Ban chỉ đạo: Giám đốc các sở: Khoa học và Công nghệ; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Giáo dục và Đào tạo; Công nghiệp; Cục trưởng Cục thống kê; Chánh Văn phòng Tỉnh ủy.

4.4. Thường trực Ban chỉ đạo.

Văn phòng Thường trực Ban chỉ đạo đặt tại Sở Bưu chính, Viễn thông.

CHƯƠNG II: LỀ LỐI LÀM VIỆC VÀ NHIỆM VỤ CỦA CÁC THÀNH VIÊN

Điều 5. Trưởng Ban chỉ đạo:

Điều hành chung các hoạt động của Ban; chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, UBND tỉnh về mọi hoạt động của Ban.

Điều 6. Các Phó Ban chỉ đạo:

Giúp Trưởng ban trong việc chỉ đạo xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh; chủ trì các cuộc họp khi được Trưởng Ban ủy quyền.

Điều 7. Thư ký Ban chỉ đạo:

Dự thảo các văn bản, chuẩn bị tài liệu, nội dung báo cáo các kỳ họp của Ban; xây dựng chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Ban trình Trưởng Ban; tiếp nhận, xử lý, lưu trữ, cung cấp số liệu và tài liệu phục vụ cho các hoạt động của Ban.

Điều 8. Các thành viên Ban chỉ đạo:

Chỉ đạo mọi hoạt động liên quan đến ứng dụng và phát triển CNTT tại đơn vị mình quản lý và theo sự phân công của Trưởng Ban. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan

thường trực Ban chỉ đạo trong quá trình thực hiện chương trình ứng dụng và phát triển CNTT.

Có trách nhiệm nghiên cứu, góp ý kiến về xây dựng chương trình, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn; chế độ, chính sách ưu đãi khuyến khích ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh; tham gia đầy đủ các buổi họp và công việc của Ban.

Điều 9. Ban chỉ đạo CNTT của tỉnh họp định kỳ 3 tháng 1 lần trong trường hợp cần thiết có thể họp đột xuất theo yêu cầu của Trưởng Ban hoặc UBND tỉnh; khi cần thiết Ban chỉ đạo có thể tổ chức họp mở rộng với sự tham gia của các nhà khoa học, các nhà quản lý kinh doanh và đại diện các cơ quan liên quan.

CHƯƠNG III: CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH

Điều 10. Kinh phí hoạt động của Ban được cấp từ nguồn ngân sách của tỉnh qua tài khoản Sở Bưu chính, Viễn thông theo dự toán kế hoạch hàng năm và các nguồn kinh phí bổ sung tài trợ của các tổ chức cá nhân (nếu có) và thực hiện theo chế độ kế toán tài chính hiện hành của Nhà nước.

CHƯƠNG IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Trong quá trình thực hiện có vấn đề gì vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các thành viên của Ban chỉ đạo, các cấp, các ngành gửi văn bản đóng góp về Thường trực Ban chỉ đạo để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi.